

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1062/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Thức

2. Ông Trần Ngọc Oanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị An Thành - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 495/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 681/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 680/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; HKTT: 66 đường S9, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Ngụ tại: F202, lô F chung cư T, đường C4, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Đình Đ, sinh năm 1980; HKTT: 66 đường S9, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Ngụ tại: F202, lô F chung cư T, đường C4, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà và ông Hoàng Đình Đ tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, quận T1, Thành phố

Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyền số 1/2009 ngày 14/02/2009.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà T là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng bất đồng từ những việc nhỏ nhất trong cuộc sống. Bên cạnh đó, ông Đ còn ghen tuông vô cớ, không tin tưởng vợ, thậm chí có lúc còn đánh bà, việc này khiến ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần và công việc của bà. Bà đã cố gắng hàn gắn, hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vì các con nên bà đã cố gắng chịu đựng nhưng nay bà đã hết tình cảm với ông Đ nên càng kéo dài cuộc sống chung càng khiến cả hai đều mệt mỏi, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần của bà. Vợ chồng bà ly thân từ năm 2020 cho đến nay, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà T không muốn hàn gắn và yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Đình Đ.

Về con chung: Bà T khai nhận vợ chồng có hai người con chung là Hoàng Bảo N, sinh ngày 20/10/2010 và Hoàng Bảo N1, sinh ngày 02/12/2014. Các con chung từ trước đến nay do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên để ổn định tinh thần của các con, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

*Tại bản tự khai ngày 18/7/2022, bị đơn là ông Hoàng Đình Đ trình bày:* Ông không chấp nhận ly hôn. Lý do ông còn thương vợ và hai con rất nhiều. Mong tòa tạo điều kiện để gia đình ông hòa giải.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã giải thích và yêu cầu ông Đ làm bản tự khai theo hướng dẫn. Tuy nhiên, ông Đ từ chối không làm. Đồng thời, Tòa án yêu cầu tiến hành lấy lời khai của ông nhưng ông Đ từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu trên.
- Bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.
- *Về quan hệ con chung*: Giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.
- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Do ông Đ vắng mặt không có lý do và không cung cấp chứng cứ. Dựa trên lời khai và tài liệu có trong hồ sơ, bà T yêu cầu tự thỏa thuận; nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Bà T phải chịu và tính theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyền số 1/2009 ngày 14/02/2009 do Ủy ban nhân dân Phường 4, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Đình Đ thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông Đ có nơi cư ngụ tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt ông Hoàng Đình Đ: Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự cho ông Hoàng Đình Đ. Mặc dù, ông Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Đ.

Tại phiên tòa, ông Hoàng Đình Đ không có mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật. Ông Hoàng Đình Đ phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về yêu cầu của nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Hoàng Đình Đ:

Căn cứ lời khai của bà T thấy rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra những bất đồng. Tính cách, quan điểm sống giữa vợ chồng cũng có nhiều điểm khác biệt. Bên cạnh đó, ông Đ còn ghen tuông vô cớ, không tin tưởng vợ, thậm chí có lúc còn đánh bà, việc này khiến ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần và công việc của bà. Bà đã cố gắng hàn gắn, hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vì các con nên bà đã cố gắng chịu đựng nhưng nay bà đã hết tình cảm với ông Đ nên càng kéo dài cuộc sống chung càng khiến cả hai đều mệt mỏi. Vợ chồng bà ly thân từ năm 2020 cho đến nay, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Tòa án nhiều lần triệu tập và tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Đ vắng mặt. Điều này thể hiện ông Đ không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Đồng thời, tại biên bản xác minh tại địa phương ngày 12/5/2022 thì trong quá trình chung sống hai ông bà cũng có cãi nhau lớn tiếng.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Đ là có thật và đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Bà T khai nhận vợ chồng có hai người con chung là Hoàng Bảo N, sinh ngày 20/10/2010 và Hoàng Bảo N1, sinh ngày 02/12/2014. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi là phải dựa vào quyền lợi của trẻ. Từ trước đến nay, các con chung đều do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời, tại các bản tự khai của hai trẻ Hoàng Bảo N, Hoàng Bảo N1 đều thể hiện mong muốn được ở với mẹ trong trường hợp ba mẹ không sống chung với nhau nữa. Vì vậy để ổn định cuộc sống cũng như tâm lý của các con thì việc bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là hoàn toàn phù hợp với lợi ích của trẻ và phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Đ.

[4]. *Về quan hệ tài sản*:

- Về tài sản chung: Bà T yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5].*Về án phí*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà T chịu án phí theo qui định của pháp luật là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

##### **1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Hoàng Đình Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 1/2009 ngày 14/02/2009 do Ủy ban nhân dân Phường 4, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Đình Đ không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Bà T khai nhận vợ chồng có hai người con chung là Hoàng Bảo N, sinh ngày 20/10/2010 và Hoàng Bảo N1, sinh ngày 02/12/2014. Giao cả hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Đ do bà T không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Bà T yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà T khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

##### **2/ Về án phí:**

- Bà Nguyễn Thị T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0035510 ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

### **3/ Quyền kháng cáo:**

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND Phường 4, Q. Tân Bình
- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Hương**